



Ảnh: Quốc Cường

Vai trò của Nhà nước đối với phát triển hoạt động bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa

TS. HÀ VĂN DƯƠNG

HOẠT ĐỘNG BẢO LÃNH TÍN DỤNG (BLTD) CHO CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA (DNNVV) LÀ MỘT TRONG NHỮNG HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP PHÁT TRIỂN DNNVV, TẠO ĐIỀU KIỆN CHO CÁC DNNVV TIẾP CẬN VÀ SỬ DỤNG VỐN TÍN DỤNG TẠI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG (TCTD) PHỤC VỤ CHO NHU CẦU PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH.

Hoạt động BLTD cho các DNNVV đã hình thành tại nhiều quốc gia trên thế giới, đóng góp quan trọng cho tăng trưởng kinh tế và an sinh xã hội. Vai trò của Nhà nước đối với phát triển hoạt động BLTD cho các DNNVV luôn được các quốc gia quan tâm, nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho phát triển các DNNVV. Tuy nhiên, tại Việt Nam,

hoạt động BLTD cho các DNNVV còn khá mới, chưa thực sự làm cầu nối hiệu quả cho các DNNVV tiếp cận nguồn vốn tín dụng tại các TCTD.

Bài viết này đề cập đến vai trò của Nhà nước đối với phát triển hoạt động BLTD cho các DNNVV của Quỹ BLTD cho các DNNVV, nhằm tạo thuận lợi hơn cho phát triển hoạt động BLTD và mở

rộng khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng của các DNNVV tại các TCTD trong giai đoạn hiện nay.

Cơ sở lý luận về vai trò của Nhà nước đối với phát triển hoạt động BLTD cho các DNNVV

Phát triển DNNVV là chiến lược lâu dài, nhất quán và xuyên suốt trong chương trình hành động, là nhiệm vụ trọng tâm trong chính sách phát triển kinh tế của quốc gia, trong đó Nhà nước với vai trò quan trọng trong tạo lập môi trường về pháp luật và các cơ chế, chính sách thuận lợi, tạo điều kiện cho DNNVV phát triển và huy động mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển. Trong đó, phát huy vai trò của Nhà nước trong việc mở rộng hoạt động BLTD cho các DNNVV là cách thiết thực góp phần hỗ trợ cho các DNNVV, là những doanh nghiệp có vai trò tiên phong trong tạo công ăn việc làm mới và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế quốc gia. Vai trò của Nhà nước đối với hoạt động BLTD cho các DNNVV bao gồm:

Một là, tạo lập cơ chế chính sách phát triển hoạt động BLTD cho các DNNVV: Các cơ quan QLNN (Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương) hoạch định chính sách, ban hành các quy định pháp luật cho phép hình thành và phát triển hoạt động BLTD. Cơ chế chính sách tạo khung pháp lý, điều tiết, hướng dẫn triển khai hoạt động BLTD bao gồm các nội dung về điều kiện thành lập, mô hình tổ chức, hoạt động cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành, vốn hoạt động, nội dung hoạt động... Cơ chế chính sách được thiết lập đầy đủ, thống nhất, đồng bộ và phù hợp thực tiễn góp phần phát triển hoạt động BLTD cho các DNNVV. Ngược lại, cơ chế chính sách thiếu đồng bộ, chưa đi vào cuộc sống, phải điều chỉnh, bổ sung nhiều lần, đã làm giảm sút tính ổn định về cơ chế chính sách của Nhà nước, gây cản trở cho quá trình phát triển hoạt động BLTD cho các DNNVV.

Hai là, đảm bảo khả năng tài chính cho phát triển hoạt động BLTD cho các DNNVV: Khả năng tài chính được đảm bảo qua cấp vốn điều lệ từ nguồn ngân sách cho Quỹ BLTD hoạt động. Nguồn vốn được cấp càng lớn càng tạo thuận lợi cho phát triển hoạt động BLTD, do mức BLTD cho một DNNVV được giới

hạn theo mức vốn chủ sở hữu của Quỹ BLTD và tổng mức BLTD được giới hạn theo vốn điều lệ của Quỹ BLTD.

Ba là, điều tiết quá trình phát triển hoạt động BLTD cho các DNNVV: Nhà nước điều tiết quá trình đa dạng hóa HĐTD nhằm đảm bảo công bằng, minh bạch và hài hòa lợi ích giữa các Quỹ BLTD, DNNVV và lợi ích chung cho phát triển kinh tế-xã hội. Để điều tiết quá trình phát triển hoạt động BLTD cho các DNNVV, Nhà nước thực hiện xây dựng, ban hành và kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật, áp dụng biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn để bảo đảm an toàn hoạt động BLTD, thực hiện điều tiết đối với Quỹ BLTD theo hướng tạo điều kiện mở rộng, phát triển hay thu hẹp hoạt động BLTD và điều tiết đối với các DNNVV theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho các DNNVV tiếp cận Quỹ BLTD hay ban hành các điều kiện bắt buộc, làm thu hẹp đối tượng DNNVV được BLTD.

Bốn là, kiểm tra, giám sát quá trình phát triển hoạt động BLTD cho các DNNVV: Mục đích kiểm tra, thanh tra, giám sát nhằm góp phần bảo đảm quá trình phát triển hoạt động BLTD cho các DNNVV an toàn, lành mạnh; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của DNNVV và Quỹ BLTD; bảo đảm việc chấp hành pháp luật của DNNVV và Quỹ BLTD. Nội dung kiểm tra thanh tra, giám sát bao gồm: Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các điều kiện thành lập và hoạt động, tuân thủ các quy định về BLTD cho các DNNVV. Đánh giá mức độ rủi ro, năng lực quản trị rủi, mức độ đảm bảo an toàn trong quá trình phát triển hoạt động BLTD...

Thực tiễn về vai trò của Nhà nước đối với phát triển hoạt động BLTD cho các DNNVV tại Việt Nam

Thứ nhất thực tiễn về ban hành cơ chế chính sách: Chính phủ đã ban hành Quyết định số 193/2001/QĐ-TTg ngày 20/12/2001 về việc ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ BLTD cho DNNVV và Quyết định số 115/2004/QĐ-TTg ngày 25/06/2004 sửa đổi Quyết định số 193/2001/QĐ-TTg. Đến ngày 15/10/2013, Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg được Chính phủ ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt

động của Quỹ BLTD cho DNNVV, thay thế Quyết định số 193/2001/QĐ-TTg ngày 20/12/2001 và Quyết định số 115/2004/QĐ-TTg ngày 25/06/2004.

Cơ chế chính sách đã ban hành mô hình và cơ chế điều hành Quỹ BLTD được ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, thành phố quyết định thành lập với mục tiêu hoạt động là một tổ chức tài chính phi lợi nhuận, bảo đảm hoàn vốn và bù chi. Tổ chức điều hành theo phương thức điều hành trực tiếp, hoạt động độc lập và phương thức ủy thác điều hành, hoạt động trực thuộc Quỹ tài chính địa phương hoặc Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Qua hơn 12 năm triển khai thực hiện, đến nay cả nước có 20 Quỹ bảo BLTD được thành lập và đi vào hoạt động tại các tỉnh, thành trong cả nước với tổng vốn điều lệ là 1.262 tỷ đồng, trong đó Quỹ BLTD TP. Hồ Chí Minh là đơn vị có vốn

điều lệ cao nhất hiện nay (Bảng 1). Theo "Báo cáo định hướng kế hoạch phát triển doanh nghiệp năm 2014" của Cục phát triển doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, doanh số bảo lãnh của các Quỹ BLTD từ 2002 đến hết 2012 khoảng trên 2.976,3 tỷ đồng, số dư bảo lãnh đến hết 2012 đạt trên 344,44 tỷ đồng. Đến cuối năm 2013, theo Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg, đã có những bước hoàn thiện hơn về cơ chế chính sách, quy định các điều kiện được BLTD nhằm tăng trách nhiệm của các DNNVV nhiều hơn trong quá trình BLTD. Tuy nhiên, quyết định này quy định "Bên được bảo lãnh phải sử dụng tài sản hiện có hoặc tài sản hình thành trong tương lai thuộc quyền sở hữu của mình mà pháp luật không cấm giao dịch để thực hiện các biện pháp đảm bảo cho bảo lãnh vay vốn tại bên bảo lãnh theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm". Việc yêu cầu các DNNVV

Bảng 1: Quy mô vốn của các Quỹ BLTD được thành lập

STT	Tỉnh/Thành phố	Thời điểm thành lập	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Ghi chú	Nguồn
1	Trà Vinh	12/2002	39	Trực thuộc Quỹ đầu tư	Minh Đức (2010)
2	Tây Ninh	05/2002	30	Trực thuộc Quỹ đầu tư	Hoàng Lâm (2012)
3	Bà Rịa Vũng Tàu	12/2003	30	Độc lập	Thông tấn xã Việt nam (2003)
4	Yên Bái	03/2005	21	Độc lập	Đồng Hiếu (2006)
5	Đồng Tháp	05/2005	30	Trực thuộc Ngân hàng phát triển	Minh Đức (2010)
6	Thành phố HCM	03/2006	232	Độc lập	Minh Đức (2010)
7	Hà Nội	04/2006	30	Trực thuộc Quỹ đầu tư	Minh Đức (2010)
8	Bình Thuận	01/2007	30	Độc lập	UBND Tỉnh Bình Thuận (2007)
9	Vĩnh Phúc	05/2007	30	Độc lập	Minh Đức (2010)
10	Hà Giang	04/2008	100	Trực thuộc Quỹ đầu tư phát triển đất và BLTD	Sở Tài chính Hà Giang (2014)
11	Ninh Thuận	06/2008	30	Độc lập	UBND Tỉnh Ninh Thuận (2008)
12	Bắc Ninh	09/2008	50	Độc lập	Lê Thanh (2013)
13	Kiên Giang	01/2010	130	Trực thuộc Quỹ đầu tư	UBND Tỉnh Kiên Giang (2010)
14	Bạc Liêu	09/2012	30	Trực thuộc Quỹ đầu tư	UBND Tỉnh Bạc Liêu (2012)
15	Cà Mau	04/2013	80	Trực thuộc Quỹ đầu tư (UBND tỉnh đề nghị nghị Bộ Tài chính hỗ trợ 80 tỷ đồng)	Anh Kiên (2013)
16	Đồng Nai	04/2013	140	Trực thuộc Quỹ đầu tư	UBND Tỉnh Đồng Nai (2013)
17	Cần Thơ	08/2013	70	Độc lập	Cục phát triển DN (2013)
18	Thanh Hóa	11/2013	100	Độc lập	Phạm Ngọc (2013)
19	Sóc Trăng	12/2013	30	Độc lập	UBND Tỉnh Sóc Trăng (2013)
20	Đà Nẵng	01/2014	30	Trực thuộc Quỹ đầu tư	Lê Hoa (2013)
	Tổng cộng		1.262		

phải có tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản bảo lãnh vay vốn đã gây khó khăn cho các DNNVV và ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động BLTD bắt đầu từ tháng 12/2013. Vì thực tế các DNNVV để nghị BLTD để vay vốn tại TCTD là do thiếu tài sản đảm bảo hoặc tài sản đảm bảo không đủ điều kiện cầm cố, thế chấp theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm. Khi DNNVV có đủ tài sản để cầm cố, thế chấp theo quy định thì TCTD đã nhận cầm cố tài sản hoặc nhận thế chấp tài sản của DNNVV để cho vay vốn mà không yêu cầu có bảo lãnh tín dụng của Quỹ BLTD.

Thứ hai, thực tiễn về đảm bảo khả năng tài chính: Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg quy định vốn hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng được hình thành từ vốn điều lệ gồm vốn cấp của ngân sách tỉnh, thành phố, vốn góp của các TCTD, vốn góp của các doanh nghiệp khác, vốn góp của các hiệp hội ngành nghề, các tổ chức đại diện và hỗ trợ DNNVV; vốn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân (bao gồm cả vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA) trong và ngoài nước cho mục tiêu phát triển các DNNVV; vốn bổ sung từ kết quả hoạt động của Quỹ BLTD và các nguồn vốn hợp pháp khác. Bên cạnh đó, theo chỉ đạo tại Công văn 07/TTg-KTTH ngày 03/01/2013 của Chính phủ về BLTD đối với DNNVV đã đồng ý về nguyên tắc sử dụng nguồn thu cổ phần hóa từ các doanh nghiệp nhà nước địa phương (phần phải nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp) để tăng cường nguồn lực tài chính cho Quỹ BLTD địa phương.

Song, trên thực tế, đến nay vốn cấp của ngân sách tỉnh, thành phố là nguồn vốn hoạt động chủ yếu của các Quỹ BLTD. Nhiều địa phương chỉ cân đối được nguồn ngân sách để đảm bảo đủ nguồn vốn tối thiểu theo quy định là 30 tỷ đồng (Bảng 1) và với mức vốn này, các Quỹ BLTD tại nhiều địa phương đã gặp khó khăn cho phát triển hoạt động BLTD. Việc đảm bảo mức bảo lãnh tối đa theo quy định 15% trên vốn chủ sở hữu của Quỹ BLTD được tính cho mỗi DNNVV cho thấy mức BLTD thấp và tổng mức BLTD cho các DNNVV không vượt quá 5 lần so với vốn điều lệ thực của Quỹ BLTD, càng cho

thấy quy mô BLTD chưa tương xứng với dư nợ cho vay DNNVV của các TCTD và số lượng DNNVV.

Cũng theo "Báo cáo định hướng kế hoạch phát triển doanh nghiệp năm 2014" của Cục phát triển doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, qua số liệu dư nợ cho vay và số dư BLTD cho các DNNVV, tỷ lệ số dư BLTD so với dư nợ cho vay DNNVV đến cuối năm 2012 là 0,04%. Xét thêm trường hợp điển hình trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh là nơi có nguồn vốn điều lệ cao nhất hiện nay (Bảng 1), có tỷ lệ số dư BLTD so với dư nợ cho vay DNNVV đến cuối năm 2013 cũng chỉ đạt chưa đến 0,5% (Bảng 2) và số lượng 120 hợp đồng BLTD so với 151.854 DNNVV. Điều đó cho thấy khả năng phát triển hoạt động BLTD chưa phù hợp tình hình thực tiễn hoạt động các DNNVV trong giai đoạn hiện nay.

Bảng 2: Dư nợ cho vay, BLTD cho DNNVV của Việt Nam và trên địa bàn TP.HCM

Chỉ tiêu chủ yếu	Giá trị/số lượng
Tại Việt Nam	
Dư nợ cho vay DNNVV đến cuối năm 2012 (tỷ đồng)	862.392
Số dư BLTD đến cuối năm 2012 (tỷ đồng)	344,44
Tỷ lệ số dư BLTD so với dư nợ cho vay DNNVV đến cuối năm 2012	0,04%
Trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh	
Dư nợ cho vay DNNVV đến cuối năm 2013 (tỷ đồng)	79.544
Số dư BLTD đến cuối năm 2013 (tỷ đồng)	350,40
Tỷ lệ số dư BLTD so với dư nợ cho vay DNNVV đến cuối năm 2013	0,44%
Số lượng DNNVV đến năm 2013	151.854
Số lượng hợp đồng BLTD đến cuối năm 2013	120

Nguồn: Báo điện tử Chính phủ, Cục phát triển DN, Báo Phụ nữ online và Quỹ BLTD TP. Hồ Chí Minh

Thứ ba, điều tiết quá trình phát triển hoạt động BLTD trong thời gian qua: Chính phủ đã ban hành Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/06/2009 về trợ giúp phát triển DNNVV, tạo điều kiện cho phát triển hoạt động BLTD qua quy định chính sách khuyến khích thành lập quỹ BLTD và mở rộng hơn đối tượng BLTD cho các DNNVV khi xét theo tiêu chí nguồn vốn. Chương trình hành động trợ giúp phát triển DNNVV ban hành theo Quyết định số 1231/QĐ-TTg ngày 7/9/2012 của Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phát triển DNNVV giai đoạn 2011-2015, đã triển khai nhiều nhóm giải pháp, bao gồm hỗ trợ tiếp cận tài chính, tín dụng

và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cho DNNVV và triển khai thực hiện chỉ đạo phát triển BLTD đối với DNNVV theo Công văn 07/TTg-KTTH ngày 03/01/2013 của Chính phủ tại các địa phương. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) cũng chỉ đạo các TCTD từ năm 2012 chuyển dịch cơ cấu tín dụng theo hướng ưu tiên tập trung vốn hỗ trợ cho vay vào 5 lĩnh vực ưu tiên, bao gồm cho vay DNNVV (Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 13/02/2012, Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 31/01/2013, Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 15/01/2014), là điều kiện thuận lợi tập trung cho vay và tác động tích cực đến phát triển hoạt động BLTD cho các DNNVV.

Tuy nhiên, thực tiễn quá trình phát triển hoạt động BLTD gặp khó khăn do thiếu nguồn vốn hoạt động BLTD, thậm chí có địa phương không cân đối được

nguồn vốn cho hoạt động của Quỹ BLTD đã được thành lập như tỉnh Cà Mau và nhiều địa phương khác chưa thể thành lập được Quỹ BLTD.

Thứ tư, triển khai công tác kiểm tra, giám sát quá trình phát triển hoạt động BLTD: Theo Quyết định số 193/2001/QĐ-TTg ngày 20/12/2001, Chính phủ đã quy định Bộ Tài chính là cơ quan QLNN đối với Quỹ BLTD có nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ BLTD. UBND các tỉnh, thành phố trực tiếp quản lý, giám sát tình hình hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng tại địa phương. Ngày 15/10/2013 Chính phủ ban hành Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg thay thế

Quyết định số 193/2001/QĐ-TTg ngày 20/12/2001, vẫn tiếp tục quy định Bộ Tài chính và UBND thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát như trước; bên cạnh, quy định bổ sung thêm NHNN là cơ quan QLNN thực hiện kiểm tra, giám sát quy trình thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh của Quỹ BLTD.

Tuy vậy, thực tiễn đến nay, việc hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động và quy trình nghiệp vụ BLTD vẫn chưa được triển khai. Các Quỹ BLTD chưa được hướng dẫn quy trình thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh. Trên thực tế, mỗi Quỹ BLTD đều tự xây dựng quy trình nghiệp vụ và không ít các Quỹ BLTD gặp nhiều khó khăn trong quá trình triển khai. Nhiều nội dung, quy trình BLTD tại các địa phương không đồng nhất nhau trong triển khai hoạt động BLTD do thiếu hướng dẫn theo một quy chuẩn chung (Bảng 3). Mặt khác, hầu hết các Quỹ BLTD chưa thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro hoạt động BLTD để hoạt động BLTD hiệu quả, an toàn.

Bảng 3: Một số nội dung quy định BLTD cho DNNVV tại các địa phương

Nội dung	TP.HCM	Đồng Nai	Kiên Giang	Bạc Liêu	Ninh Thuận	Hà Giang
Vốn tham gia của DNNVV	15%	30%	10% đến 30%	10%	15%	10%
Giá trị tài sản đảm bảo nợ vay tối thiểu	15%	30%	-	30	10%	-
Tài sản đảm bảo cho khoản BLTD	100% giá trị khoản BLTD	Tài sản hình thành từ vốn vay	Tài sản hình thành từ vốn vay	Tài sản hình thành từ vốn vay	-	-
Mức BLTD tối đa cho 1 dự án/phương án	70% nhu cầu vốn	40% nhu cầu vốn	70% đến 90% nhu cầu vốn	80% chênh lệch giá trị vay và TSTC	75% nhu cầu vốn	100% chênh lệch giá trị vay và TSTC
Quan hệ của DNNVV với các TCTD	Không có nợ xấu	Không có nợ xấu	Không có nợ quá hạn		Không có nợ xấu	Xác nhận của TCTD
Quan hệ của DNNVV với ngân sách	Không nợ động thuế	Không nợ động thuế			Không nợ động thuế	Xác nhận của cơ quan thuế
Thời gian thẩm định tối đa	15 ngày	15 ngày	10 ngày	5 ngày	15 ngày	5 ngày

Nguồn: Báo điện tử Chính phủ, Quỹ BLTD TP.HCM, Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai, Quỹ đầu tư phát triển Bạc Liêu, UBND Tỉnh Kiên Giang, UBND Tỉnh Ninh Thuận, Sở Tài chính Hà Giang

Giải pháp tăng cường vai trò của Nhà nước đối với phát triển hoạt động BLTD cho các DNNVV

Nhóm giải pháp hoàn thiện cơ chế chính sách và quy định pháp luật hiện nay.

- Cần điều chỉnh, bổ sung Quyết định 58/2013/QĐ-TTg ngày 15/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ cho phù hợp với điều kiện thực tiễn hoạt động của các DNNVV tại Việt Nam và phù hợp với thông lệ quốc tế, nhằm góp phần trợ giúp các DNNVV vượt qua khoảng cách thiếu hụt tài sản đảm bảo nợ vay qua cung cấp BLTD để làm biện pháp đảm bảo tiền vay cho các DNNVV vay vốn tại các TCTD. Theo đó, không quy định việc thực hiện các biện pháp đảm bảo cho bảo lãnh vay vốn tại bên bảo lãnh và thay vào bằng quy định việc kiểm soát dòng tiền chặt chẽ của bên BLTD đối với bên được BLTD.

- Quy định cho hoạt động BLTD được triển khai đa dạng, ngoài BLTD cho các DNNVV vay vốn tại các TCTD, còn thực hiện BLTD cho các DNNVV tiếp cận đầy đủ các hình thức cấp tín dụng tại các TCTD. Theo kinh nghiệm hoạt động BLTD cho các DNNVV tại các nước (Ilhyock Shim (2006), cần cho phép bảo lãnh trái phiếu, chứng khoán đảm bảo

chính sách và quy định pháp luật mới.

- Ban hành cơ chế thu hút nguồn vốn hoạt động của Quỹ BLTD từ vốn góp của các TCTD, vốn góp của các doanh nghiệp, các hiệp hội ngành nghề, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho mục tiêu phát triển các DNNVV. Cơ chế thu hút vốn đảm bảo khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia góp vốn có hiệu quả, kiểm soát chặt chẽ, an toàn vốn và phát triển vốn.

- Xây dựng quy định và hướng dẫn chi tiết về quy trình nghiệp vụ BLTD, tạo khung pháp lý cho các Quỹ BLTD triển khai thực hiện nghiệp vụ BLTD một cách thống nhất và làm cơ sở cho hoạt động kiểm tra, giám sát tuân thủ và kiểm tra, giám sát rủi ro.

- Quy định mới cho phép các Quỹ BLTD triển khai nghiệp vụ đồng BLTD đối với các dự án vượt giới hạn BLTD, góp phần phát triển hoạt động BLTD, hạn chế rủi ro BLTD qua thực hiện cùng thẩm định, cùng quyết định cấp BLTD cho các DNNVV.

- Ban hành quy định hướng dẫn cơ chế phối hợp giữa Quỹ BLTD với các TCTD, nhằm thực hiện có hiệu quả hơn cơ chế BLTD đối với DNNVV, góp phần nâng cao hiệu quả làm cầu nối cho các DNNVV tiếp cận vốn tín dụng tại các TCTD một cách thuận lợi hơn.

- Quy định về thành lập hệ thống kiểm soát nội bộ của Quỹ BLTD, đảm bảo được sự tương thích về các nguyên tắc cơ bản của kiểm toán nội bộ. Tạo điều kiện nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát rủi ro hoạt động BLTD, đảm bảo sự phù hợp về đánh giá độc lập của kiểm toán độc lập đối với hệ thống kiểm soát nội bộ.

Nhóm giải pháp hỗ trợ cho các Quỹ BLTD.

- Định hướng chiến lược phát triển hoạt động BLTD cho các DNNVV, định hướng mang tính dài hạn, làm cơ sở cho việc triển khai kế hoạch hoạt động BLTD hàng năm phù hợp và gắn kết với các chương trình trợ giúp phát triển DNNVV.

- Hỗ trợ về kiến thức tài chính cho các DNNVV thông qua các cuộc hội nghị kết nối ngân hàng và doanh nghiệp do Chi nhánh NHNN trên từng địa phương tổ chức. Hỗ trợ các DNNVV nâng cao, phát huy vai trò chủ đạo của kiến thức tài chính

bằng tài sản tài chính đối với các DNNVV tại Việt Nam, nhằm góp phần nâng cao năng lực tài chính cho các DNNVV và phát triển hoạt động BLTD của các Quỹ BLTD.

Nhóm giải pháp ban hành cơ chế



Trợ giúp các DNNVV vượt qua khoảng cách thiếu hụt tài sản đảm bảo nợ vay là một yếu tố quan trọng đối với chính sách trợ giúp phát triển DNNVV hiện nay. Ảnh: Đức Trung

trong hoạch định và phân bổ nguồn lực tài chính phù hợp với nguyên tắc vận hành của thị trường tài chính, giúp lựa chọn những sản phẩm tài chính và đưa ra các quyết định trong việc lựa chọn các danh mục đầu tư có hiệu quả, phù hợp với định hướng phát triển của doanh nghiệp.

- Trợ giúp các Quỹ BLTD trong việc tăng cường hợp tác quốc tế trao đổi học tập kinh nghiệm với các tổ chức hoạt động BLTD quốc tế, giúp tiếp cận về quản lý, về nghiệp vụ BLTD nhằm phát triển hoạt động BLTD phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế thế giới.

Kết luận

Nhà nước đóng vai trò quan trọng đối với phát triển hoạt động BLTD cho các DNNVV thể hiện qua việc xây dựng cơ chế chính sách, đảm bảo khả năng tài chính, điều tiết và kiểm tra, giám sát hoạt động BLTD. Thực tiễn qua nhiều năm trong công tác QLNN đã từng bước phát huy vai trò tích cực, tác động thúc đẩy hoạt động BLTD cho các DNNVV phát triển. Tuy vậy, do nhiều nguyên nhân tác động làm cho cơ chế chính sách chưa được hoàn thiện, khả năng đảm bảo tài chính cho hoạt động BLTD còn hạn chế, chưa triển khai hoạt động kiểm tra, giám sát của Nhà nước đối với hoạt động BLTD. Các nhóm giải pháp được đề xuất nhằm hoàn thiện, ban hành mới cơ chế chính sách và pháp luật, hỗ trợ cho các Quỹ BLTD nhằm vai trò của Nhà nước đối với phát triển hoạt

động BLTD cho các DNNVV, trợ giúp các DNNVV vượt qua khoảng cách thiếu hụt tài sản đảm bảo nợ vay là một yếu tố quan trọng đối với chính sách trợ giúp phát triển DNNVV hiện nay ■

Tài liệu tham khảo

1. Cục phát triển doanh nghiệp (2013), Quỹ Bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ được thành lập,
2. Minh Đức (2010), Xây dựng mô hình quỹ bảo lãnh tín dụng,
3. Đồng Hiếu (2006), Chỉ lập quỹ bảo lãnh tín dụng ở các tỉnh trọng điểm,
4. Tấn Hoàng (2014), TPHCM tiếp tục hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp,
5. Anh Kiên (2013), Cà Mau: Thiếu vốn bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp,
6. Lê Hoa (2014), Ra mắt Quỹ Bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố, <http://www.danang.gov.vn/>
7. Hoàng Lâm (2012), Quỹ Đầu tư Phát triển Tây Ninh: Tăng cường huy động vốn cho đầu tư phát triển,
8. Phạm Ngọc (2013), <http://baothanhhoa.vn/>
9. Sở Tài chính Hà Giang (2014), Quỹ đầu tư, phát triển đất và BLTD, <http://stc.hagiang.gov.vn>
10. Lê Thanh (2013), Nâng cao hiệu quả hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, <http://baobacninh.com.vn>
11. Thông tấn xã Việt nam (2003), BR-VT thành lập quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp, <http://tuoitre.vn>
12. Thanh Thủy (2013), TP Hồ Chí Minh: Nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa đã phục hồi, <http://baodientu.chinhphu.vn>
13. Quỹ BLTD TPHCM (2014), Báo cáo tình hình hoạt động của Quỹ BLTD TPHCM giai đoạn 2007-2013
14. Quỹ đầu tư phát triển Bạc Liêu (2014), Ủy thác và nhận ủy thác, <http://www.bldif.com.vn>
15. UBND Tỉnh Bình Thuận (2007), Quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ BLTD cho DNNVV tỉnh Bình Thuận,
16. UBND Tỉnh Ninh Thuận (2008), Quyết định thành lập Quỹ BLTD cho DNNVV tỉnh Ninh Thuận,
17. UBND Tỉnh Kiên Giang (2008), Quyết định về việc thành lập Quỹ đầu tư phát triển Kiên Giang,
18. UBND Tỉnh Đồng Nai (2013), Quy chế BLTD cho các DNNVV,
19. UBND Tỉnh Sóc Trăng (2013), Quyết định thành lập Quỹ BLTD cho DNNVV tỉnh Sóc Trăng, <http://thuvien-phapluat.vn>

Nợ xấu... (Tiếp theo trang 22)

đưa ra các chế tài xử phạt nghiêm khắc về tài chính cũng như hành chính để các TCTD thực hiện đúng trách nhiệm của mình.

Thứ ba, khuyến khích việc thành lập các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực cung cấp thông tin, xếp hạng tín nhiệm. Theo kinh nghiệm của nhiều nước, các tổ chức này nên hoạt động độc lập theo mô hình doanh nghiệp cổ phần để hạn chế việc chi phối của tổ chức hoặc cá nhân, làm sai lệch kết quả xếp hạng.

Thứ tư, các TCTD cần hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ theo chuẩn Basel II. Việc xếp hạng tín dụng phải căn cứ vào các số liệu thống kê lịch sử của chính ngân hàng, đồng thời áp dụng các điều chỉnh cần thiết trên cơ sở ý kiến của chuyên gia. Để có được hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ theo thông lệ quốc tế, các NHTM cần xây dựng hệ thống thông tin khách hàng đồng bộ, đa chiều và theo lịch sử, trong đó đặc biệt chú trọng khâu thu thập, sàng lọc thông tin. Việc chia sẻ thông tin giữa TCTD cũng cần được quan tâm hơn nữa. Ngoài ra, để đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ, hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ của NH cần được NHNN phê duyệt trước khi triển khai chính thức tại đơn vị.

Thứ năm, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về văn hóa kinh doanh, về nghĩa vụ và trách nhiệm công khai, minh bạch thông tin.

Nợ xấu và xử lý nợ xấu là một bài toán nan giải. Để giải quyết được vấn đề này một cách triệt để, bên cạnh các giải pháp quan trọng đòi hỏi phải hạn chế và đi tới xóa bỏ rào cản về thông tin phi đối xứng ■

Tài liệu tham khảo:

1. Frederic S. Miskin - Tiền tệ, Ngân hàng và thị trường tài chính
2. Hồ Thiên Thanh và TS Nguyễn Trí Đức - Vấn đề tài sản đảm bảo tại các Ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay - Tạp chí Phát triển và Hội nhập
3. KPMG - Khảo sát về ngành Ngân hàng Việt Nam 2013
4. PGS, TS. Nguyễn Thị Mui - Thực trạng nợ xấu tại các Ngân hàng thương mại Việt Nam và giải pháp tháo gỡ - Tạp chí tài chính
5. Web <http://cafef.com.vn>
6. Web <http://sbv.org.vn>